

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 02 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Truyền thông đa phương tiện** (Multimedia Communication)

Mã ngành cấp IV: **7320104**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4,5 năm**

Danh hiệu: **Kỹ sư**

Đơn vị quản lý: Bộ môn Tin học ứng dụng, Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình Truyền thông đa phương tiện (TTĐPT) trình độ đại học đào tạo những kỹ sư Truyền thông đa phương tiện có kiến thức chuyên môn toàn diện, có kiến thức vững chắc về nền tảng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông đa phương tiện, có kỹ năng thành thạo đáp ứng nhu cầu nhân lực TTĐPT, có khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, sáng tạo trong giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực TTĐPT; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thích ứng với thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời; có sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu của quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học:

a. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh; có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, sự tự tin, lòng nhiệt tình, và sự đam mê trong nghề nghiệp, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

b. Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực chuyên sâu về mỹ thuật và công nghệ thông tin, kiến thức chuyên sâu và những kỹ năng về báo chí, truyền thông và quảng cáo để có thể viết các ấn phẩm báo chí, biên tập và thiết kế sách báo, chế bản điện tử, sáng tạo nội dung video, làm phong phú nội dung Website bằng cách ứng dụng các hiệu ứng đồ họa. Có khả năng triển khai các giải pháp và sản phẩm TTĐPT hiện đại cùng với khả năng thích ứng tốt với những yêu cầu của nền công nghiệp sáng tạo và giải trí hiện đại; có khả năng đưa ra các quyết định phù hợp cho cơ quan, doanh nghiệp trong việc lựa chọn công nghệ và giải pháp TTĐPT.

c. Đào tạo sinh viên viên có năng lực chuyên môn thích ứng với những vị trí nghề nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực TTĐPT, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa.

d. Rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp; có năng lực ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp tốt bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh phục vụ cho công việc trong lĩnh vực Truyền thông, kỹ năng học tập suốt đời; có khả năng nghiên cứu khoa học, năng lực học tập sau đại học ngành TTĐPT và các ngành có liên quan.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tế, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Người học phải đạt bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, có sức khỏe, kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b. Nắm vững kiến thức về toán học và khoa học tự nhiên; kiến thức về máy tính, về nền tảng Công nghệ Thông tin, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

c. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

2.1.2 Khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành

a. Nắm vững kiến thức về các nguyên lý lập trình căn bản, các nguyên lý lập trình hướng đối tượng, về cấu trúc dữ liệu và giải thuật để giải quyết các bài toán lập trình, từ đó phát triển các kỹ năng lập trình để có thể phân tích, xây dựng thuật toán giải quyết các vấn đề thực tế. Nắm vững kiến thức về cơ sở toán học ứng dụng trong CNTT giúp người học có khả năng tư duy về logic toán học và giải quyết các bài toán trong Tin học và ứng dụng trong thực tế.

b. Nắm vững các kiến thức về mỹ thuật học, lý thuyết cơ sở về tổ chức sự kiện, quan hệ công chúng, pháp luật và đạo đức trong tác nghiệp báo chí và truyền thông. Kiến thức về quay phim, chụp hình, thiết kế đồ họa 2D/3D, biên tập Audio và Video, kỹ xảo điện ảnh, ... để phối hợp với kiến thức về Công nghệ thông tin tạo ra những sản phẩm truyền thông đa phương tiện có chất lượng.

c. Nắm được kiến thức căn bản về cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu đa phương tiện, kiến thức về hệ thống thông tin của các tổ chức và doanh nghiệp, kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống giúp cho người học nắm được nguyên lý cơ bản và giải pháp trong các hệ thống thông tin ở các tổ chức và doanh nghiệp.

d. Nắm vững kiến thức về kiến trúc máy tính, về hệ điều hành máy tính, về mạng máy tính và quản trị hệ thống mạng máy tính để hiểu được vai trò và cơ chế hoạt động của một hệ thống mạng máy tính, dịch vụ mạng cũng như kiến thức về mạng Internet để giúp tạo ra sản phẩm truyền thông trên Internet.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Nắm vững các phương pháp thiết kế và biên tập các chương trình truyền hình, video clip quảng cáo và các nội dung đào tạo thông qua đa phương tiện.

b. Nắm vững kiến thức chuyên sâu về lập trình, phân tích thiết kế hệ thống thông tin. Kiến thức về các công nghệ Web tiên tiến hiện nay, ứng dụng trong phát triển các Website thương mại điện tử và hệ thống thông tin cho các cơ quan/ doanh nghiệp; kiến thức lập trình đa phương tiện: lập trình di động, trò chơi.

c. Nắm vững các phương pháp thiết kế và biên tập các nội dung quảng cáo, thiết kế ấn phẩm báo chí, hoạt hình 2D/3D, kỹ xảo điện ảnh. Kiến thức về quản lý, lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình thực hiện các dự án Truyền thông đa phương tiện.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Khả năng sử dụng thành thạo các kỹ thuật và công cụ công nghệ đa phương tiện (ghi âm, chụp ảnh, quay phim, xử lý ảnh, thiết kế đồ họa, dựng phim, kỹ xảo, lồng tiếng, ...) để sản xuất các sản phẩm đa phương tiện phục vụ lĩnh vực báo chí truyền thông. Khả năng tư vấn cho các tổ chức và các doanh nghiệp trong việc lựa chọn giải pháp và sản phẩm truyền thông đa phương tiện phù hợp.

b. Sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình và kỹ thuật lập trình để tham gia các dự án gia công phần mềm, lập trình Web, lập trình Game, lập trình cho thiết bị di động. Xử lý thông tin, phân tích, tổng hợp, dự báo, đánh giá, và giải quyết vấn đề.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Đạt trình độ tiếng Anh/Pháp tương đương trình độ B1; khả năng viết tài liệu mô tả kỹ thuật, báo cáo khoa học hay viết dự án và thuyết trình, trình bày kết quả và trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp và khách hàng; khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện nhiệm vụ.

b. Kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa, khả năng thích ứng nhanh với những công việc khác nhau theo nhu cầu xã hội; có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy tốt; kỹ năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.3 Thái độ/ Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Hình thành ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, phẩm chất chính trị đạo đức, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân; thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác; có thái độ cầu tiến và vượt khó; có phương pháp tiếp cận và phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp.

b. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

c. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. Thực hành học suốt đời, chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân.

3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên biên tập, quản trị báo điện tử, các kênh truyền thông số, tiếp thị số.
- Kỹ sư, lập trình phần mềm; phát triển các ứng dụng Web, ứng dụng trên thiết bị di động.
- Chuyên viên thiết kế, tư vấn quảng cáo, thiết kế bao bì, nhãn hiệu sản phẩm, thiết kế logo, làm phim quảng cáo, ... hoặc một hệ thống nhận dạng thương hiệu (tại các công ty quảng cáo, PR).
- Chuyên viên/Giám đốc tổ chức sự kiện, chuyên viên truyền thông trực tiếp và trực tuyến.
- Giám đốc sản xuất, biên tập viên truyền hình, phóng viên (truyền thông đa phương tiện); xử lý âm thanh, hình ảnh trước khi phát sóng, thiết kế các nội dung truyền hình (tại các công ty truyền hình, hãng sản xuất phim).
- Giảng viên dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, ... đào tạo về Truyền thông đa phương tiện và Công nghệ Thông tin.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Hình thành kỹ năng tự học, thói quen học tập suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức và sự thay đổi về lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện.
- Người học có khả năng tiếp tục học tập các chuyên ngành ở các trình độ cao hơn sau đại học ở các trường đào tạo trong và ngoài nước trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện và Công nghệ thông tin.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Quản lý Và Công nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Văn Lang, TP. Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên.
- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học FPT, TP. Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo các ngành Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Truyền thông và mạng máy tính, Công nghệ thông tin của Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông - Đại học Cần Thơ.
- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, TP. Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, TP. Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Công nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
- Hướng dẫn viết chuẩn đầu ra (Guide to Learning Outcomes) của Trường Đại học Birmingham, Anh.

6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	PV		45			FL007	I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	I,II,III
18	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	4		30	60			I,II
19	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20			I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
33	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60				I,II,III
34	XH016	Mỹ học đại cương	2	2		30				I,II
Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
35	KL100	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	2		30				I, II
36	XH446	Tổ chức sự kiện	2	2		30				I, II
37	CT193	Kỹ thuật quay phim chụp hình và xử lý hậu kỳ	3	3		30	30			I, II
38	CT194	Biên tập Audio Video	2	2		20	20			I, II
39	CT195	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2	2		30				I, II
40	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			I, II
41	TN194	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	3	3		45				I, II
42	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT101		I, II
43	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				I, II
44	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		I, II
45	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		I, II
46	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		I, II
47	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		I, II
48	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		I, II
49	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	3		30	30	CT180		I, II
50	XH447	Quan hệ công chúng	2	2		15	30			I, II
51	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30			I, II
Cộng: 47 TC (Bắt buộc: 47 TC; Tự chọn: 00 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
52	CT196	Dựng hình 2D / 3D	3	3		30	30			I, II
53	TN233	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3	3		30	30	CT296		I, II
54	TN207	Lập trình .NET	3	3		30	30	CT176		I, II
55	CT477	Triển khai dịch vụ mạng và ứng dụng Internet	2	2		15	30	CT112		I, II
56	CT494	Kỹ xảo điện ảnh	2	2		20	20	CT194		I, II
57	TN213	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý	3	3		30	30	CT296, TN207		I, II
58	TN216	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	3		30	30	TN207		I, II
59	CT495	Dựng phim hoạt hình	3	3		30	30	CT194		I, II
60	CT496	Kịch bản truyền hình	3	3		30	30			I, II
61	CT497	Thiết kế quảng cáo truyền hình	3	3		30	30			I, II
62	TN230	Xây dựng ứng dụng Web với .NET	3	3		30	30	TN207, CT188		I, II
63	CT480	Xây dựng ứng dụng Web với PHP	3	3		30	30	CT188		I, II
64	TN412	Xây dựng ứng dụng Web với Java	3	3		30	30	CT176, CT188		I, II
65	CT498	Xây dựng trò chơi đa phương tiện	3		3	30	30	CT112, CT196		I, II
66	CT499	Thiết kế UI / UX	3			30	30	CT196		I, II
67	CT500	Niên luận cơ sở - TTDPT	3	3			90	≥ 80 TC		I, II
68	CT502	Niên luận – TTDPT	3	3			90	≥ 100 TC		I, II
69	CT508	Thực tập doanh nghiệp - TTDPT	5	5			150	≥ 125 TC		I,II,III

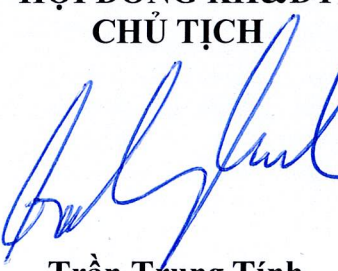
TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
70	CT557	Luận văn tốt nghiệp - TTDPT	15		15		450	≥125TC		I, II
71	CT521	Tiểu luận tốt nghiệp - TTDPT	6				180	≥125TC		I, II
72	TN229	Bảo mật hệ thống và an ninh mạng	3			30	30	CT477		I, II
73	TN218	Xây dựng ứng dụng thương mại điện tử	3			30	30	TN230		I, II
74	TV333	Xuất bản điện tử	2			15	30			I, II
75	KT363	Quản trị văn phòng	2			30				I, II
76	CT289	Lập trình Front-end	3			25	40	CT188		I, II
77	TN212	Công nghệ Web 3D	3			30	30	CT188		I, II
78	CT453	Mỹ thuật Web	2			15	30			I, II
79	TV319	Kinh doanh xuất bản phẩm	2			30	30			I, II
80	CT509	Truyền thông trên Internet	3			30	30			I, II
81	CT481	Xây dựng Web Services và Web APIs	2			15	30	TN207		I, II
82	CT463	Quản trị dự án Công nghệ thông tin	2			20	20			I, II
83	CT190	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2			30				I, II
84	CT510	Chuyên đề truyền thông	2				60			I, II
Cộng: 66 TC (Bắt buộc: 48 TC; Tự chọn: 18 TC)										
Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 128 TC; Tự chọn: 33 TC)										


(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022

BAN GIÁM HIỆU
HIỆP TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Trung Tính

KHOA
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hữu Hòa